

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 99/2017/HSST
Ngày: 27 – 12 – 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Ông Vũ Hùng Hạnh;
2. Ông: Đoàn Trung Tuyển.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thái Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tú – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2017/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2017/HSST – QĐ, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Cao Văn C.

Sinh ngày 08 tháng 8 năm 1979.

Nơi sinh: Xóm M, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Đội 7, xóm L, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Cao Đức M (đã chết); con bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị S (Hiện sống tại Hàn Quốc); Bị cáo hiện chung sống như vợ chồng với Lê Thị H; Có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 19/3/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

2. Họ và tên: Vũ Khắc Q.

Sinh ngày 29 tháng 02 năm 1997.

Nơi sinh: Xóm 1, xã X1, huyện X, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 1, xã X1, huyện X, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Vũ Khắc P và bà Trần Thị H; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

3. Họ và tên: Đặng Văn V.

Sinh ngày 30 tháng 10 năm 1994.

Nơi sinh: Xóm 10, xã G2, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 10, xã G2, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Con ông Đặng Văn V; con bà Hoàng Thị P (đã chết); Có mẹ kế là bà Phạm Thị L; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

4. Họ và tên: Vũ Viết T.

Sinh ngày 18 tháng 6 năm 1996.

Nơi sinh: Xóm 2, xã G3, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 2, xã G3, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Vũ Bá X và bà Đinh Thị L; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị truy nã theo Lệnh truy nã số 04 ngày 11/7/2017, bị bắt ngày 17/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

5. Họ và tên: Trịnh Bá T.

Sinh ngày 12 tháng 9 năm 1994.

Nơi sinh: Xóm T, xã X2, huyện X, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm T, xã X2, huyện X, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Trịnh Bá K và bà Phạm Thị S; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

6. Họ và tên: Đinh Văn T.

Sinh ngày 09 tháng 4 năm 1995.

Nơi sinh: Đội 8, xóm L, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Đội 8, xóm L, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Đinh Văn T và bà Trần Thị Q; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2017 đến ngày 11/11/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, hiện được tại ngoại theo Quyết định cho bảo lãnh số 04 ngày 11/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy.

7. Họ và tên: Phạm Văn N.

Sinh ngày 13 tháng 7 năm 1999. (Đến ngày phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi).

Nơi sinh: Đội 4, xóm T, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Đội 4, xóm T, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Phạm Văn L (đã chết); con bà Nguyễn Thị L; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2017 đến ngày 19/11/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, hiện được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06 ngày 19/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy.

8. Họ và tên: Hoàng Tuấn A.

Sinh ngày 06 tháng 10 năm 1998.

Nơi sinh: Đội 17, xóm T, xã B, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Đội 17, xóm T, xã B, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị G; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 37 ngày 08/9/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy.

*** Người bị hại: Anh Đặng Văn G; sinh năm 1985.**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 12, xã G4, huyện G, tỉnh N.

Tạm trú tại: Kí ốt 113 bãi tắm Q, khu du lịch Q, huyện G, tỉnh N.

*** Người làm chứng:**

- Chị Lê Thị H; sinh năm 1989;

Trú tại: Đội 7, xóm L, xã G1, huyện G, tỉnh N.

- Chị Bùi Thị N; sinh năm 1963;

Trú tại: Tổ dân phố L1, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

- Chị Cao Thị H; sinh năm 1982;

Trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

- Bà Trần Thị N; sinh năm 1952;

- Chị Phạm Thị Y; sinh năm 1963;

Đều trú tại: Tổ dân phố L2, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N.

- Anh Hoàng Văn S; sinh năm 1974;

Trú tại: Đội 17, xóm T, xã B, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Cao Văn C, Vũ Viết T, Đặng Văn V, Vũ Khắc Q, Trịnh Bá T, Đinh Văn T, Hoàng Tuấn A, Phạm Văn N đều có mặt. Người bị hại anh Đặng Văn G vắng mặt. Người làm chứng có mặt chị Lê Thị H, anh Hoàng Văn S. Những người làm chứng khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15h ngày 16/6/2017, anh Đặng Văn G đến nhà Cao Văn C chơi (theo lời khai của anh G: Giữa anh G và C có quan hệ xã hội chơi bời với nhau từ trước). Trong quá trình nói chuyện giữa anh G và C tại nhà C đã xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và thách thức nhau. Anh G đã lấy một chiếc kiếm tự chế của C cầm đi và có lời lẽ thách thức đối với C.

Do bức tức với anh G nên chiều tối ngày 16/6/2017, Cao Văn C lần lượt gọi điện thoại cho Đặng Văn V (lúc này V cùng với Phạm Văn H đang ở nhà Nguyễn Anh T) về mâu thuẫn giữa C và anh G. Sau đó C tiếp tục điện thoại cho T nói về việc mâu thuẫn giữa C và anh G cho T biết. T hỏi C *“có cần bọn em xuống không?”* C bảo T *“có rồi thì xuống tý”*. Sau khi nghe điện thoại của C, Đặng Văn V và Phạm Văn H đi xe máy về nhà C ở xã G1. Chiều tiếp tục điện thoại cho Vũ Viết T đến nhà C. Trên đường đến nhà C, Vũ Viết T gặp Đinh Văn T, Vũ Viết T rủ Đinh Văn T cùng đến nhà C. Khi Vũ Viết T đến nhà C được một lúc thì Vũ Văn T cùng Hoàng Tuấn A cũng đến nhà C. Tại nhà C, Vũ Viết T bảo Hoàng Tuấn A chở mình đi tìm Phạm Minh Đ. Khi gặp Đ, Vũ Viết T bảo Đ *“đến nhà C để đi đánh nhau”* và bảo Đ mang đồ đi (mang dao, kiếm). Đ đồng ý sang nhà bà ngoại lấy một bọc khăn vải đỏ bên trong có 04 chiếc dao cùng Vũ Viết T và Tuấn A đến nhà C. Trên đường đến nhà C, Đ gặp Phạm Văn N, Đ rủ N cùng vào nhà C.

Khoảng 19h cùng ngày tại nhà Cao Văn C có: Đặng Văn V, Đinh Văn T, Vũ Văn T, Phạm Văn N, Hoàng Tuấn A, Vũ Viết T, Phạm Văn H, Phạm Minh Đ (cả nhóm có mối quan hệ với nhau từ trước). C bảo với cả nhóm là *“thằng G ở Q rất láo với anh, nó dám lấy kiếm của anh về còn thách thức anh thích bao nhiêu thằng thì gọi, bây giờ đi xuống Q cho nó một trận”*. Cả nhóm hiểu ý C bảo đi đánh nhau với G nên đều đồng ý. Đ và V vào bên trong nhà C tiếp tục lấy số dao (đã cất sẵn) ra cùng với bọc dao của Đ mang đến để ở trước cửa. Lúc này Vũ Viết T, Phạm Minh Đ, Vũ Văn T, Đặng Văn V, Phạm Văn H mỗi người cầm 01 con dao. Hoàng Tuấn A điều khiển xe mô tô BKS: 18G1 - 26371 chở C ngồi giữa, Đ cầm dao ngồi sau; N điều khiển xe Wave màu trắng chở V và Vũ Viết T mỗi người cầm một con dao; Đinh Văn T điều khiển xe máy chở

Phạm Văn H và Vũ Văn T ngồi sau mỗi người cầm một con dao. Cả nhóm đi 03 xe gồm 09 người xuống xã G4 sau đó ra bãi tắm Q tìm đánh anh G.

Sau khi nghe điện thoại của C, Nguyễn Anh T điện thoại cho Vũ Khắc Q và Phạm Đức Q đến nhà Nguyễn Anh T. Lúc này Vũ Lê Thiên Q đang có mặt ở nhà Nguyễn Anh T. Nguyễn Anh T bảo Thiên Q sang nhà Nguyễn Văn P lấy cho T 02 con dao (tự chế) T gửi ở đó để xuống nhà C có việc (P là anh em kết nghĩa với Nguyễn Anh T). Khi Thiên Q đến nhà P gặp Trịnh Bá T đang ở đó. Thiên Q bảo với Trịnh Bá T lấy 02 con dao tại nhà P, P đưa cho Trịnh Bá T 02 con dao, Trịnh Bá T đưa cho Thiên Q, Thiên Q bảo Trịnh Bá T là *“đến nhà anh C có việc anh em mình xuống xem thế nào”*, Trịnh Bá T hỏi *“còn xe không”* Thiên Q nói *“chưa biết được”*, Thiên Q cầm 02 con dao về nhà Nguyễn Anh T. Khoảng 19h cùng ngày tại nhà Nguyễn Anh T, T nói với Vũ Khắc Q, Phạm Đức Q, Thiên Q *“dưới nhà anh C có việc anh em mình xuống xem thế nào”*, cả ba đều đồng ý. Vũ Khắc Q xách túi đồ đựng dao, gậy rút treo lên xe Dream (chưa xác định được BKS) do Vũ Khắc Q điều khiển chở Phạm Đức Q và Trịnh Bá T, Nguyễn Anh T điều khiển xe Airblade (chưa xác định được BKS) chở Thiên Q ngồi sau.

Nguyễn Anh T chở Thiên Q đi trước, Vũ Khắc Q chở Phạm Đức Q sang nhà P đón Trịnh Bá T đi sau. Khi đến ngã ba thị trấn Q, huyện G thì nhóm của Nguyễn Anh T gặp nhóm của C. Cả hai nhóm hợp thành một rồi đến nhà nghỉ H thuộc xóm 11, xã G4. C vào gặp hỏi anh Nguyễn Văn B là chủ nhà nghỉ H (anh B là anh rể của anh G) *“anh G có ở đó không”*, anh B trả lời *“không”*. Cả nhóm đi ra ki ốt 113 khu du lịch Q tìm đánh anh G. Trên đường đi, Phạm Đức Q sang xe của Nguyễn Anh T ngồi, Vũ Khắc Q đưa túi đựng đồ (dao và tuýp sắt) cho Trịnh Bá T cầm. Khi đến ki ốt 113 thấy anh G đang ngồi ở phòng khách, C đi vào trước, tiếp đó là Vũ Văn T, Đặng Văn V, Vũ Viết T, Phạm Minh Đ, Vũ Khắc Q và Trịnh Bá T cầm dao đứng ở cửa ra vào và một số đối tượng khác đứng ngoài. Khi vào trong phòng khách C đâm vào mặt anh G một cái và nói *“mày thách thức cái gì, bây giờ mày thế nào”*, cùng lúc này Vũ Văn T cầm dao lao vào chém anh G nhưng không trúng (vì anh G tránh được). Tiếp đó Vũ Viết T, Phạm Minh Đ, Đặng Văn V mỗi người cầm một con dao, Vũ Khắc Q cầm gậy rút lao vào chém vào người anh G nhiều cái. Phát hiện thấy bả vai và tay anh G có máu chảy ra thì Cao Văn C, Vũ Văn T, Đặng Văn V, Vũ Viết T, Phạm Minh Đ, Vũ Khắc Q đi ra ngoài. Lúc này anh G cầm chiếc kiếm lấy tại nhà C lúc chiều chạy ra. Thấy vậy Vũ Viết T, Phạm Minh Đ, Vũ Văn T, Vũ Khắc Q, Đinh Văn T tiếp tục quay lại đuổi theo anh G. Đinh Văn T dùng 01 chiếc ghế nhựa ném vào người anh G, anh G chạy ra đến khu vực ngã ba gần ki ốt 99 ném chiếc kiếm xuống bãi và bị ngã. Lúc này Vũ Viết T, Phạm Minh Đ, Vũ Khắc Q tiếp tục cầm dao, gậy rút vọt, chém vào lưng và chân anh G. Thấy anh G nằm gục trên đường cả bọn lên xe đi về. Số dao kiếm gây thương tích

cho anh G các đối tượng tập hợp đưa cho Đặng Văn V mang về nhà C cất giấu. Còn anh Đặng Văn G bị thương phải đưa đi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện Hải Hậu và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định từ ngày 16/6/2017 đến ngày 23/6/2017 anh G được ra viện với các thương tích cụ thể như sau:

- 01 vết thương vai trái dài 06 cm, 01 vết thương sau 1/3 giữa cánh tay trái dài 10 cm, nông.
- 01 vết thương ngoài khuỷu tay trái dài 12 cm, đứt nguyên khối cơ dưới bám vào lồi cầu ngoài, bạt mất một phần đùi quang, mẻ lồi cầu ngoài;
- 01 vết thương sau trong 1/3 dưới cẳng tay trái dài 3 cm, đứt gân trụ sau, mẻ 1/3 dưới xương trụ;
- 01 vết thương ngoài 1/3 giữa cẳng chân trái, dài 15 cm, nông;
- 01 vết thương trước 1/3 dưới cẳng chân trái dài 6 cm, đứt hoàn toàn gân chày trước và 1/3 gân dưới ngón một;
- 01 vết thương gan bàn tay phải dài 5 cm, nông;
- 01 vết thương ngón IV tay phải dài 2 cm, nông;
- 01 vết thương vành tay trái dài 01 cm, nông;
- 01 vết thương khe ngón I – II tay trái dài 04 cm.

Nhiều vết thương xước da dài, ngứa rả rác lưng và cẳng chân trái, cẳng tay trái.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 017/17/TgT ngày 22/7/2017 của Trung tâm Pháp y Sở y tế tỉnh Nam Định đã giám định và kết luận anh Đặng Văn Giáo: “*Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 20%*”.

Ngày 20/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà Cao Văn C, đã thu giữ 01 ba lô và 08 chiếc dao, kiếm có đặc điểm khác nhau các đối tượng khai nhận đã dùng là công cụ để gây thương tích cho anh G và 01 đèn khò tự chế, 01 vỏ chai lavie bằng nhựa đã qua sử dụng.

Sau khi gây án, Cao Văn C và Đặng Văn V đã liên đới bồi thường cho anh Đặng Văn G số tiền 6.000.000 đồng. Nay anh Giáo không có yêu cầu gì thêm.

Tại cơ quan CSĐT, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 97/CTR ngày 20/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố các bị cáo Cao Văn C, Vũ Viết T, Đặng Văn V, Vũ Khắc Q, Trịnh Bá T, Đinh Văn T, Hoàng Tuấn A, Phạm Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Cao Văn C, Vũ Viết T, Đặng Văn V, Vũ Khắc Q, Trịnh Bá T, Đinh Văn T, Hoàng Tuấn A, Phạm Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Cao Văn C từ 42 đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2017.

Xử phạt Đặng Văn V từ 36 đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Vũ Khắc Q từ 36 đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2017.

Xử phạt Vũ Viết T từ 36 đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Trịnh Bá T từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án (được khấu trừ số ngày tạm giam).

Xử phạt Đinh Văn T từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án (được khấu trừ số ngày tạm giữ, tạm giam).

Xử phạt Hoàng Anh T từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53, Điều 60; Điều 69 và Điều 74 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Văn N từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng (được khấu trừ số ngày tạm giữ, tạm giam).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Văn G không có yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xử lý.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc ba lô, 08 chiếc dao có đặc điểm khác nhau các đối tượng sử dụng làm công cụ gây án; 01 chiếc đèn khò tự chế, 01 vỏ chai nhựa lavie đã qua sử dụng.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo được nói lời sau cùng, các bị cáo đều trình bày bản thân nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình

sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa; lời khai của người bị hại và những người làm chứng cùng vật chứng, các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở để HĐXX kết luận:

Do vào chiều ngày 16/6/2017 giữa Cao Văn C và anh Đặng Văn G có mâu thuẫn với nhau, đến khoảng 19 giờ ngày 16/6/2017 Cao Văn C đã tụ tập các đối tượng gồm Vũ Viết T, Đặng Văn V, Vũ Khắc Q, Trịnh Bá T, Đinh Văn T, Hoàng Tuấn A, Phạm Văn N, Nguyễn Anh T, Vũ Văn T, Phạm Đức Q, Phạm Văn H, Phạm Minh Đ và Lê Quốc T mang theo dao kiếm đến ki ốt số 113 – khu du lịch Quất Lâm. Các đối tượng đã dùng dao, kiếm, ống tuýp nước đánh anh Đặng Văn G khiến cho anh G bị thương phải đi điều trị tại bệnh viện từ ngày 16/6/2017 đến ngày 26/7/2017, anh G ra viện với tỷ lệ thương tích là 20%.

Như vậy hành vi của các bị cáo Cao Văn C, Vũ Viết T, Đặng Văn V, Vũ Khắc Q, Trịnh Bá T, Đinh Văn T, Hoàng Tuấn A, Phạm Văn N phạm tội đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Theo Nghị quyết số 02 ngày 17/4/2003 và Nghị quyết số 01 ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì dao kiếm là hung khí nguy hiểm nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự về tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Chỉ vì lời thách thức của anh G mà các bị cáo đã tụ tập nhau, mang theo dao kiếm, ống tuýp nước để đánh anh G gây thương tích. Điều đó thể hiện sự bất chấp và coi thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự, như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo cũng như phát huy tính răn đe phòng ngừa chung ngoài xã hội.

Trong vụ án này Cao Văn C là người chủ mưu, cầm đầu, đồng thời thực hành tích cực, vì vậy C giữ vai trò đầu trong vụ án. Các bị cáo Vũ Khắc Q, Đặng Văn V, Vũ Viết T thực hành tích cực là những người trực tiếp gây thương tích cho anh Đặng Văn G, vì vậy giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Các bị cáo Đinh Văn T, Trịnh Bá T, Phạm Văn N và Hoàng Tuấn A không trực tiếp gây thương tích cho anh Đặng Văn G nhưng giúp sức trong quá trình chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, vì vậy giữ vai trò cuối trong vụ án.

Khi quyết định hình phạt, HĐXX xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo C và V đã liên đới bồi thường cho anh G số tiền 6.000.000 đồng, anh G không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên bị cáo C và V được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trịnh Bá T, Đinh Văn T, Phạm Văn N, Hoàng Tuấn A có điều kiện hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Phạm Văn N khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nên bị cáo được áp dụng Điều 69 và Điều 74 khi quyết định hình phạt.

Theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”. Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm”. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14, HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo Cao Văn C, Vũ Khắc Q, Đặng Văn V, Vũ Viết T bằng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới có tác dụng cải tạo các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội đồng thời mới có tác dụng răn đe phòng ngừa chung ngoài xã hội; Xử phạt các bị cáo Trịnh Bá T, Đinh Văn T, Phạm Văn N và Hoàng Tuấn A bằng hình phạt tù, tuy nhiên chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo kèm theo thời gian thử thách là thỏa đáng, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc ba lô, 08 chiếc dao có đặc điểm khác nhau các đối tượng sử dụng làm công cụ gây án; 01 chiếc đèn khò tự chế, 01 vỏ chai nhựa lavie đã qua sử dụng (đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

Đối với Phạm Minh Đ – sinh ngày: 22/10/2001 và Vũ Lê Thiên Q – sinh ngày: 23/11/2001 đã có hành vi tham gia cùng với Chiến và đồng bọn gây thương tích cho anh Giáo, nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội Đ và Thiên Q chưa đủ tuổi để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Giao Thủy đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Minh Đ và Thiên Q là phù hợp.

Đối với Nguyễn Anh T – sinh năm: 1982, trú tại: Xóm 13, xã X3, huyện X và Vũ Văn Thắng – sinh năm: 1996, trú tại: Xóm 11, xã G2, huyện G. Ngày 16/6/2017 đã có hành vi tham gia cùng với C và đồng bọn gây thương tích cho anh G, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh truy nã nhưng chưa bắt được. Đến nay đã hết thời hạn điều tra, CQĐT đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi nào bắt được Nguyễn Anh T và Vũ Văn T sẽ tiếp tục xử lý sau.

Trong vụ án này Phạm Đức Q, Phạm Văn H đã có hành vi cùng tham gia với C và đồng bọn, hiện nay Phạm Đức Q và Phạm Văn H không có mặt tại địa phương nên CQĐT Công an huyện Giao Thủy đã tách ra tiếp tục điều tra và có biện pháp xử lý sau.

Đối với 03 chiếc xe do Chiến cùng đồng bọn sử dụng làm phương tiện để đi gây thương tích cho anh G ngày 16/6/2017, quá trình điều tra xác định chiếc xe BKS: 18G1 - 26371 do Hoàng Tuấn A chở C và Đ đi đánh nhau là xe của ông Hoàng Văn S (là bố Tuấn A), khi cho Tuấn A mượn ông S không biết là Tuấn A dùng vào việc gây thương tích nên CQĐT đã trả lại cho ông S.

Đối với 02 chiếc xe gồm: 01 chiếc xe Wave màu trắng (không rõ BKS) của Đặng Văn V đã đưa cho Phạm Văn N dùng làm phương tiện chở Đặng Văn V và Vũ Viết Tn đi đánh nhau, quá trình điều tra xác định Vinh đã bán chiếc xe trên để bồi thường cho anh Giáo và chiếc xe máy không BKS Đinh Văn T sử dụng chở Phạm Văn H và Đinh Văn T đi đánh nhau quá trình điều tra không thu giữ được nên vấn đề xử lý không đặt ra.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Các bị cáo: Cao Văn C, Vũ Viết T, Đặng Văn V, Vũ Khắc Q, Trịnh Bá T, Đinh Văn T, Hoàng Tuấn A, Phạm Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Căn cứ khoản 2 Điều 134; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14.

Xử phạt Cao Văn C 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2017.

Xử phạt Đặng Văn V 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2017.

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Căn cứ khoản 2 Điều 134; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14.

Xử phạt Vũ Khắc Q 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2017.

Xử phạt Vũ Viết T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2017.

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Căn cứ khoản 2 Điều 134; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14.

Xử phạt Trịnh Bá T 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*Bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 14/9/2017 đến ngày 27/12/2017*).

Giao bị cáo Trịnh Bá T cho UBND xã X2, huyện X, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách tại địa phương.

Xử phạt Đinh Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2017 đến ngày 11/11/2017*).

Xử phạt Hoàng Tuấn A 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Căn cứ khoản 2 Điều 134; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14.

Xử phạt Phạm Văn N 22 (Hai mươi hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 (Bốn mươi bốn) tháng. *(Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2017 đến ngày 19/11/2017).*

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Phạm Văn N và Đinh Văn T cho UBND xã G1, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách tại địa phương.

Giao bị cáo Hoàng Tuấn A cho UBND xã B, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách tại địa phương.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc ba lô, 08 chiếc dao có đặc điểm khác nhau các đối tượng sử dụng làm công cụ gây án; 01 chiếc đèn khò tự chế, 01 vỏ chai nhựa lavie đã qua sử dụng. *(Được ghi chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).*

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Cao Văn C, Vũ Viết T, Đặng Văn V, Vũ Khắc Q, Trịnh Bá T, Đinh Văn T, Hoàng Tuấn A, Phạm Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo Cao Văn C, Vũ Viết T, Đặng Văn V, Vũ Khắc Q, Trịnh Bá T, Đinh Văn T, Hoàng Tuấn A, Phạm Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh Đặng Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quốc Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hùng Hạnh Đoàn Trung Tuyến

Phạm Quốc Tuấn

